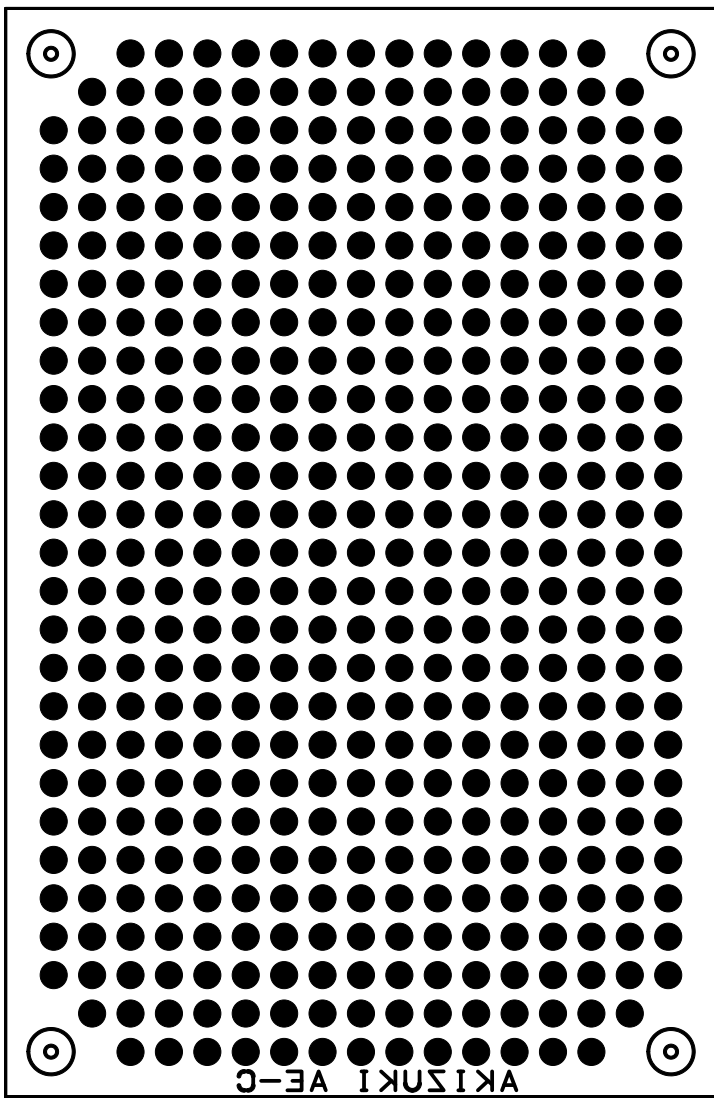
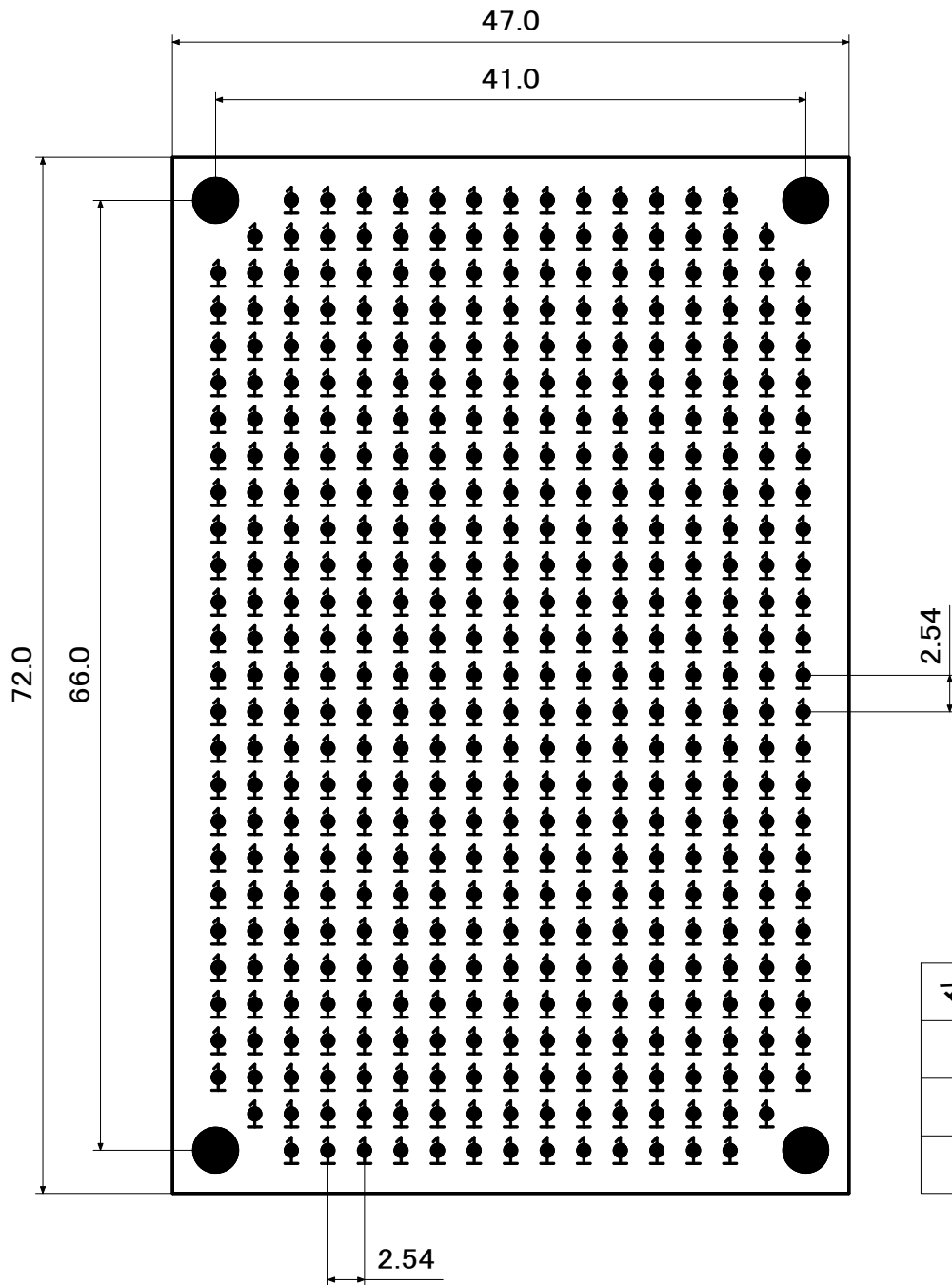


AE-C 0.3t NTH L1-COPPER



HTN 0.3t AE-C

LS-COPPER



マーク	TNo.	サイズ	属性	個数
1	T1	1.0	NTH	447
2	T2	3.2	NTH	4
			合計	451

**AE-C 0.3t NTH**